

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2021
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Liên

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2180/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

- Chị Đinh Thùy A, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: R, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: S, khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Trịnh Minh V, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: R, khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thùy A trình bày : Chị và anh

V xây dựng gia đình vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2014 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong cách chăm sóc gia đình, chăm sóc con cái, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài anh V không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị xin được ly hôn với anh V để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 01 con chung tên Trịnh Nhã P, sinh ngày 12/5/2016.

Chị A đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thùy A.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Nhã P, sinh ngày 12/5/2016 cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thùy A xin ly hôn anh Trịnh Minh V, anh V là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Trịnh Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xét xử

nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Đinh Thùy A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh V xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2014 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống trong cách chăm sóc gia đình, chăm sóc con cái, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài anh V không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị A có đơn yêu cầu được ly hôn anh V.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần mời anh V làm việc nhưng anh V không đến chứng tỏ anh đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 của chính quyền địa phương xác nhận tình trạng mâu thuẫn của chị A và anh V là có thật, chị A và anh V đã ly thân từ tháng 5/2020.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị A, anh V có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, anh V không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn với anh V để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Chị A và anh V có 01 con chung: Trịnh Nhã P, sinh ngày 12/5/2016.

Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P, cháu P hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị A giao cháu P cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của anh V về tài sản và nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thùy A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thùy A, xử cho chị Đinh Thùy A được ly hôn anh Trịnh Minh V.

2. **Về con chung:** Giao cháu Trịnh Nhã P cho chị Đinh Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trịnh Minh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. **Về tài sản chung, nợ chung :** giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. **Về án phí:** Chị Đinh Thùy A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006977 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đinh Thùy A, anh Trịnh Minh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố B
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Hà Vân